

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03 /2025/HC-PT

Ngày: 09 - 6 - 2025

*“V/v: Kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý thuế”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Sâm.

Bà Nguyễn Thị My My.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 01/2025/TLPT-HC ngày 11/3/2025, về việc *“Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế”*. Do bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2025/HC-ST ngày 23/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2025/QĐ-PT ngày 09/5/2025, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Công ty TNHH D; địa chỉ: Thôn D, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện pháp luật của người khởi kiện: Ông Phạm Văn S; địa chỉ: Thôn D, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

2. *Người bị kiện:* Đội Thuế liên huyện T - K- C (Tên cũ: Chi cục thuế thành phố B, tỉnh Đắk Lắk); trụ sở: Số I N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện ủy quyền của người bị kiện: Ông Trần Việt T, chức vụ: Phó Đội trưởng Đội Thuế liên huyện T - K – Cư Kuin (Văn bản ủy quyền ngày 13/11/2024); Có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện Công ty TNHH D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện Công ty TNHH D trình bày:

Xí nghiệp D1, sau khi UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số: 795/QĐ-UB ngày 14/5/1998 và Quyết định số: 2461/QĐ-UB ngày 16/8/2001 thu hồi đất chuyển giao về địa phương quản lý, diện tích đất còn lại là 149.322m², trong đó thửa đất số 308 đến 323, tờ bản đồ số 01, tại xã E có diện tích 63.752m²; thửa đất số 339, tờ bản đồ số 16, tại xã H có diện tích 85.570m².

Công ty TNHH D, mã số thuế 6000453427, gồm các thành viên nguyên là cán bộ, công nhân viên Xí nghiệp D1, năm 2007 đã nộp hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ để xin hợp đồng thuê các thửa đất nói trên, nhưng đến nay vẫn chưa được giải quyết.

Năm 2007 Công ty nộp bảng tổng hợp cây trồng chịu thuế nông nghiệp. Năm 2008 Công ty nộp tờ khai tiền thuê đất (đất nông nghiệp chuyển sang nộp tiền thuê đất). Năm 2011 Công ty nộp tờ khai tiền thuê đất theo Thông tư số 60/2007/BTC ngày 14/6/2007 của Bộ T2. Năm 2012 Công ty nộp tờ khai tiền thuê đất theo Thông tư số 28/2011/BTC ngày 28/02/2011 của Bộ T2.

Chi cục Thuế thành phố B gửi Thông báo số 2016/TB-CCT ngày 18/4/2011 thông báo tạm nộp tiền thuê đất đối với đất nông nghiệp chuyển sang thuê đất; Thông báo số 1809/TB-CCT ngày 13/6/2013 thông báo nộp tiền thuê đất năm 2013. Từ năm 2011 đến hết năm 2013, Công ty đã nộp 20.175.640 đồng (gồm 05 giấy nộp tiền) đúng theo các thông báo trên.

Chi cục Thuế thành phố B gửi Thông báo số 139/TB-CCT ngày 13/01/2015 thông báo tiền thuế nợ và tiền chậm nộp, thông báo số 185536/TB-CCT ngày 15/10/2018 thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp; Thông báo số 117885/TB-CCT ngày 15/7/2019 thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp; Thông báo số 12452/TB-CCT-KĐT ngày 22/8/2022 thông báo tiền thuế nợ, thông báo số 16809/TB-CCT-KĐT ngày 12/7/2023 thông báo tiền thuế nợ. Từ năm 2014 đến tháng 02 năm 2024, Công ty đã nộp 68.389.640 đồng (gồm 10 giấy nộp tiền) đúng theo các thông báo trên (Kèm theo bảng thống kê số tiền thông báo và đã nộp từ năm 2011 đến tháng 02 năm 2024).

Ngày 03/5/2024 Chi cục thuế thành phố B gửi: thông báo số 2122/TB-CCT thông báo số tiền thuê đất phải nộp năm 2024 là 7.033.600 đồng. Sau đó Chi cục thuế có giấy mời doanh nghiệp làm việc. Công ty nộp các giấy tờ khai thuê đất ghi năm

2014 và nộp ngày 20/5/2024. Thực tế trích lục các thửa đất, tờ khai thuê nông nghiệp, sau này là tờ khai thuê đất nông nghiệp. Công ty đã nộp cho Chi cục thuế và tính tiền thuê đất nông nghiệp từ năm 2008, đến nay các thửa đất và diện tích vẫn không thay đổi.

Ngày 28/5/2024 Chi cục thuế thành phố B gửi Thông báo số 2585/TB-CCT thông báo nộp tiền về tiền thuê đất theo hình thức nộp hàng năm, thay thế Thông báo số 2122/TB-CCT ngày 03/5/2024.

Theo Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ “Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước”.

Điều 11. Cơ quan xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê đất:

Khoản 1: “... Cục trưởng Cục thuế xác định đơn giá thuê đất để tính tiền thuê đất đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Chi cục trưởng Chi cục thuế xác định đơn giá thuê đất để tính tiền thuê đất đối với hộ gia đình, cá nhân”.

Trích lục bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000 số 380/TL-VPĐKQSDĐ ngày 10/10/2006 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, đối với các thửa đất từ 308 đến 323, tờ bản đồ số 01, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Đơn vị sử dụng đất: Xí nghiệp D1.

Trích lục bản đồ địa chính tỷ lệ 1/5000, thửa đất số 339, tờ bản đồ số 16, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk: Đơn vị sử dụng đất: Xí nghiệp dược liệu Ea Kao (Số 381/TL-VPĐKQSDĐ ngày 10/10/2006 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất).

Công ty TNHH D khởi kiện đề nghị Tòa án huỷ thông báo số 2585/TB- CCT thông báo nộp tiền về tiền thuê đất theo hình thức nộp hàng năm ngày 28/5/2024 của Chi cục T. Vì các lý do sau:

Chi cục thuế thành phố B, tính tiền thuê đất cho Công ty TNHH D là không đúng thẩm quyền. Sai với quy định tại Điều 11 của Nghị Định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Thẩm quyền ra thông báo thuế là của Cục thuế tỉnh Đ.

Hiện nay, Công ty TNHH D chưa được thuê các thửa đất nói trên. Tại các trích lục các thửa đất thể hiện đơn vị sử dụng là Xí nghiệp dược liệu Ea Kao nên Chi cục thuế thành phố B tính tiền thuê đất cho Công ty là không đúng.

Người bị kiện Chi Cục Thuế thành phố B có đại diện ủy quyền là ông Trần Việt T trình bày:

Cơ sở pháp lý để Chi cục Thuế ban hành Thông báo số 2585/TB-CCT ngày 28/5/2024 của Chi cục Thuế thành phố B về tiền thuê đất theo hình thức nộp hàng năm:

1. Về căn cứ pháp lý

- Căn cứ khoản 2 Điều 60 Luật Đất đai năm 2013 quy định:

“2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc trường hợp thuê đất theo quy định của Luật này đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì phải chuyển sang thuê đất kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành và nộp tiền thuê đất.”

- Căn cứ khoản 3 Điều 9 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, quy định:

“3. Đối với trường hợp chưa có quyết định cho thuê đất, hợp đồng thuê đất nhưng đang sử dụng đất vào mục đích thuộc đối tượng phải thuê đất theo quy định của Luật Đất đai thì diện tích tính thu tiền thuê đất là diện tích thực tế đang sử dụng.”

- Căn cứ khoản 2 Điều 4 Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ T2 về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, quy định:

“Điều 4. Diện tích phải nộp tiền thuê đất:

2. Đối với trường hợp chưa có quyết định cho thuê đất, hợp đồng thuê đất nhưng đang sử dụng đất vào mục đích thuộc đối tượng phải thuê đất theo quy định của Luật Đất đai thì diện tích tính thu tiền thuê đất là diện tích thực tế đang sử dụng”.

Tại điểm b, khoản 5 Điều 10 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định:

“b) Đối với trường hợp thuê đất, thuê mặt nước chưa có quyết định cho thuê, hợp đồng cho thuê đất: Thời hạn nộp hồ sơ khai tiền thuê đất, thuê mặt nước chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày sử dụng đất vào mục đích thuộc đối tượng phải thuê đất, thuê mặt nước.”

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 13 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định:

“1. Trường hợp cơ quan thuế tính thuế, thông báo số tiền thuế phải nộp theo hồ sơ khai thuế của người nộp thuế, đối với các trường hợp cụ thể như sau:

đ) Tiền thuê đất, thuê mặt nước áp dụng đối với trường hợp chưa có quyết định cho thuê, hợp đồng cho thuê đất (trừ tiền thuê đất, thuê mặt nước phát sinh trong khu kinh tế, khu công nghệ cao)”.

Ngày 02/6/2023, Cục Thuế tỉnh Đ có Công văn số 1661/CTĐLA- HKDCN về việc tăng cường công tác quản lý thu tiền thuê đất đối với trường hợp đang sử dụng đất nhưng chưa có quyết định, hợp đồng thuê đất.

Yêu cầu Chi Cục T1: Đơn đốc người sử dụng đất thực hiện kê khai theo Tờ khai tiền thuê đất, thuê mặt nước áp dụng cho đối tượng chưa có quyết định, hợp đồng cho thuê đất của Nhà nước, đồng thời xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với người sử dụng đất và ban hành thông báo nộp tiền theo quy định.

Ngày 20/5/2024 Công Ty TNHH D nộp tờ khai thuê đất bổ sung (mẫu số 01/TMĐN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ T2). Căn cứ tờ khai của công ty, Chi cục Thuế thành phố B đã ban hành thông báo tạm nộp tiền thuê đất hàng năm theo đúng quy định. Đồng thời:

Ngày 29/5/2024 Chi cục Thuế thành phố B đã có Công văn số 1044/CCT-TBTK báo cáo Cục T về việc thu tiền thuê đất đối với trường hợp đang sử dụng đất nhưng chưa có quyết định, hợp đồng thuê đất đối với Công ty TNHH D.

Ngày 31/5/2024 Cục Thuế tỉnh Đ đã ban hành công văn số 1517/CTDLA-HKDCN về việc xử lý đối với trường hợp đang sử dụng đất nhưng chưa có quyết định, hợp đồng thuê đất, gửi Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định cho thuê đất.

Ngày 26/6/2024 Chi cục Thuế thành phố B có công văn số 1240/CCT-TBTK v/v phúc đáp công văn số 05 của Công ty TNHH D; ngày 20/8/2024 Chi cục Thuế thành phố B tiếp tục có công văn số 1610/CCT-TBTK v/v phúc đáp công văn số 09 của Công ty TNHH D.

Theo Điều 11 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ “Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước” thì Cục thuế tỉnh xác định đơn giá thuê đất đối với cơ quan, tổ chức, sau đó Chi cục Thuế sẽ căn cứ vào đơn giá để ra thông báo nộp thuế cho cơ quan, tổ chức thuê đất.

Căn cứ các quy định nêu trên, Công ty TNHH D hiện tại đang sử dụng đất thuộc trường hợp phải thuê đất và nộp tiền thuê đất theo quy định của pháp luật. Cơ quan thuế ban hành Thông báo 2585/TB-CCT ngày 28/5/2024 của Chi cục Thuế thành phố B về tiền thuê đất theo hình thức nộp hàng năm là đúng quy định của pháp luật.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC-ST ngày 23/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, khoản 1 Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính năm

2015; các Điều 107, Điều 108 Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty TNHH D, về việc yêu cầu hủy Thông báo nộp tiền số: 2585/TB-CCT ngày 28/5/2024 của Chi cục Thuế thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về tiền thuê đất theo hình thức nộp hàng năm.

2. Về án phí: Công ty TNHH D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0013752 ngày 14/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/01/2025, người khởi kiện Công ty TNHH D có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì thấy kháng cáo của người khởi kiện Công ty TNHH D là không có cơ sở để chấp nhận, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính - Không chấp nhận đơn kháng cáo của người khởi kiện Công ty TNHH D; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC-ST ngày 23/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về tư cách pháp nhân: Theo Quyết định số 111/QĐ-CT ngày 05/3/2025 của Cục T quy định về tên gọi, trụ sở, địa bàn quản lý của các Đội Thuế cấp huyện thuộc Chi cục T khu vực, thì Chi cục Thuế thành phố B đổi tên thành Đội Thuế liên huyện T - K- C, có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục T khu vực trực thuộc Cục Thuế theo quy định tại Quyết định số 904/QĐ-BTC ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ T2, nên cấp sơ thẩm xác định tư cách là người bị kiện là phù hợp.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của người khởi kiện Công ty TNHH D yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, hủy Thông báo nộp tiền số: 2585/TB-CCCT ngày 28/5/2024 của Chi cục Thuế thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về tiền thuê đất theo hình thức nộp hàng năm và ban hành quyết định không đúng thẩm quyền thì thấy rằng:

Công ty TNHH D xác định trước đây Công ty có tên là Xí nghiệp D1, sau khi UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số: 795/QĐ-UB ngày 14/5/1998 và Quyết định số: 2461/QĐ-UB ngày 16/8/2001 thu hồi đất chuyển giao về địa phương quản lý, diện tích đất còn lại Công ty đang quản lý là 149.322m² tại địa bàn xã E và xã H, thành phố B. Năm 2007, Xí nghiệp D1 đã nộp hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ để xin hợp đồng thuê các thửa đất nói trên, nhưng chưa được giải quyết. Sau khi Xí nghiệp D1 giải thể thì Công ty TNHH D là doanh nghiệp tiếp quản và sử dụng toàn bộ diện tích đất 149.322m² tại địa bàn xã E và xã H theo hồ sơ kê khai diện tích đất sử dụng vào ngày 20/5/2024 và sử dụng đất liên tục từ trước thời điểm Luật đất đai năm 2013 có hiệu lực pháp luật cho đến nay với mục đích sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên cho đến nay Công ty TNHH D vẫn chưa được cơ quan có thẩm quyền ký hợp đồng thuê đất.

Theo Công văn số 1661/CTĐLA-HKDCN ngày 02/6/2023 của Cục Thuế tỉnh Đ về việc tăng cường công tác quản lý tiền thuê đất đối với trường hợp đang sử dụng đất nhưng chưa có quyết định, hợp đồng thuê đất, có nội dung yêu cầu Chi Cục Thuế các huyện, khu vực, thành phố phải rà soát các trường hợp người sử dụng đất chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất, nhưng đang sử dụng vào mục đích thuộc đối tượng phải thuê đất theo quy định của Luật đất đai trên địa bàn, để hướng dẫn, đôn đốc người sử dụng đất thực hiện kê khai theo Tờ khai tiền thuê đất, thuê mặt nước áp dụng cho đối tượng chưa có quyết định, hợp đồng cho thuê đất của Nhà nước, đồng thời xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với người sử dụng đất và ban hành thông báo nộp tiền theo quy định. Như vậy, Cục Thuế tỉnh Đ đã giao cho Chi cục Thuế thành phố B xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với người sử

dụng đất và ban hành thông báo nộp tiền theo quy định, nên Chi cục Thuế thành phố B ban hành thông báo thuế là đúng thẩm quyền.

Mặt khác theo Công văn số 1517/CTĐLA-HKDCN ngày 31/5/2024 của Cục Thuế tỉnh Đ xác định Công ty TNHH D là đơn vị đang sử dụng đất vào mục đích thuộc đối tượng phải thuê đất nhưng chưa có quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó, Công ty TNHH D phải nộp tiền thuê đất khi chưa có quyết định cho thuê đất là đúng quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 9 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận hủy Thông báo nộp tiền số: 2585/TB-CCT ngày 28/5/2024 của Chi cục Thuế thành phố B về tiền thuê đất theo hình thức nộp hàng năm đối với Công ty TNHH D là có cơ sở. Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH D, mà cần giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột là phù hợp.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty TNHH D phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của người khởi kiện Công ty TNHH D; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC-ST ngày 23/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, khoản 1 Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015; các Điều 107, Điều 108 Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty TNHH D, về việc yêu cầu hủy Thông báo nộp tiền số: 2585/TB-CCT ngày 28/5/2024 của Chi cục Thuế thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về tiền thuê đất theo hình thức nộp hàng năm.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí hành chính sơ thẩm: Công ty TNHH D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai thu số AA/2023/0013752 ngày 14/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[3.2] Án phí hành chính phúc thẩm: Công ty TNHH D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000828 ngày 17/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Kim Khánh